

# Rủi ro trong ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam

TRẦN ĐÌNH THAO

NGUYỄN THỊ MINH THU

**R**ủi ro trong ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam đa dạng về hình thức và mức độ thiệt hại. Rủi ro trong sản xuất gắn chặt với tác nhân chăn nuôi, rủi ro kinh doanh gắn liền với các tác nhân thu gom, giết mổ và chế biến. Tuy nhiên, rủi ro dịch bệnh và rủi ro thị trường là hai loại rủi ro đáng ngại nhất, làm ảnh hưởng đến toàn bộ ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam. Các biện pháp quản lý rủi ro hiện nay đều tập trung chủ yếu vào khắc phục rủi ro thay vì phòng chống rủi ro. Để phát triển ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam, cần can thiệp làm giảm thiểu rủi ro, nhất là quản lý rủi ro bệnh dịch và rủi ro thị trường.

## 1. Đặt vấn đề

Chăn nuôi lợn được coi là quan trọng nhất trong ngành chăn nuôi ở Việt Nam, đặc biệt là trên khía cạnh thu nhập của người chăn nuôi (Cục Chăn nuôi, 2007). Việt Nam cũng được coi là quốc gia có mức tiêu thụ thịt lợn nhiều nhất (70% lượng thịt tiêu thụ) trong số các nước Đông Nam Á và xu hướng tăng vẫn đang tiếp tục (ILRI, 2007). Nhu cầu tăng đã khiến cho chăn nuôi lợn ở Việt Nam có những bước đột biến lớn, đồng thời ngày càng chứng tỏ vị thế quan trọng trong ngành chăn nuôi.

Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đàn lợn trong mấy năm qua đang có xu hướng giảm là do hậu quả của các dịch bệnh như dịch tai xanh và một số bệnh dịch khác xảy ra nhiều nơi trong toàn quốc. Đồng thời, sự biến động “trái chiều” giữa giá cám và giá lợn cũng dẫn đến sự sụt giảm về quy mô tổng đàn và năng suất chăn nuôi lợn... Vì vậy, nghiên cứu rủi ro trong ngành chăn nuôi lợn là yêu cầu bức thiết hiện nay.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra chọn mẫu theo vùng, tỉnh trọng điểm về rủi ro trong chăn nuôi lợn. Quy mô điều tra được triển khai trên 7 tỉnh đại diện cho 7 vùng sinh thái, bao gồm: Bắc Giang, Hải Dương, Nghệ An, Gia Lai, Bình Định, Đồng Nai, Cần Thơ. Đối tượng điều tra là các

hộ chăn nuôi, các trang trại chăn nuôi, người thu gom, các cơ sở giết mổ, chế biến và các cán bộ đại diện cho các đơn vị quản lý nhà nước các cấp.

Nghiên cứu kết hợp giữa phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA), phỏng vấn bán cấu trúc, phương pháp 3 giai đoạn (sàng lọc, theo dõi và phân đoán rủi ro) và phương pháp đánh giá rủi ro.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Rủi ro và quản lý rủi ro của tác nhân chăn nuôi lợn

Kết quả điều tra tại 7 tỉnh với 1.400 tác nhân chăn nuôi cho thấy quy mô chăn nuôi nhỏ vẫn khá phổ biến (Thao, 2011). Bình quân 76,73% các đơn vị chăn nuôi nuôi tối đa 50 con/năm, trong đó gần 60% nuôi ít hơn 20 con/năm. Chăn nuôi quy mô lớn tập trung ở các tỉnh đại diện cho khu vực Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, trong đó, đặc biệt là Đồng Nai với gần 60% đơn vị chăn nuôi nuôi từ 50 con trở lên. Đối với các hộ chăn nuôi lớn xác định chăn nuôi lợn là lâu dài, nên đầu tư ban đầu về chuồng trại, giống và phương thức chăn nuôi công nghiệp hơn so với các hộ nhỏ.

---

Trần Đình Thao, TS.; Nguyễn Thị Minh Thu, ThS.,  
Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Điều đáng nói là hơn 90% các đơn vị chăn nuôi trên cả nước đều nằm trong hoặc liền kề khu dân cư, nhất là chăn nuôi nhỏ lẻ. Có rất ít các đơn vị tham gia chăn nuôi tại các khu tập trung do không có đất. Đó cũng chính là nguyên nhân phát sinh rủi ro trong chăn nuôi lợn.

**3.1.1. Rủi ro theo quy mô chăn nuôi**

Nghiên cứu cho thấy rủi ro mà tác nhân chăn nuôi gặp phải chủ yếu do các nguyên nhân như dịch bệnh (41,72%), giá đầu ra (27,06%). Mặc dù có sự khác nhau về tỷ lệ giữa các đơn vị, nhưng tập trung chủ yếu vẫn là rủi ro về dịch bệnh và rủi ro về thị trường.

**BẢNG 1: Rủi ro của tác nhân chăn nuôi lợn**

*ĐVT: % tác nhân chăn nuôi*

Rủi ro	QM nhỏ	QM vừa	QM lớn	Bình quân
1. Giống lợn	9.61	16.67	14.56	13.61
2. Phối giống	16.67	19.76	15.96	17.47
3. Dịch bệnh	34.74	53.33	37.09	41.72
4. Thức ăn	4.22	9.05	3.29	5.52
5. Kỹ thuật	1.61	3.55	5.63	3.60
6. Giá đầu vào	14.26	23.33	15.49	17.69
7. Giá đầu ra	22.49	32.86	25.82	27.06

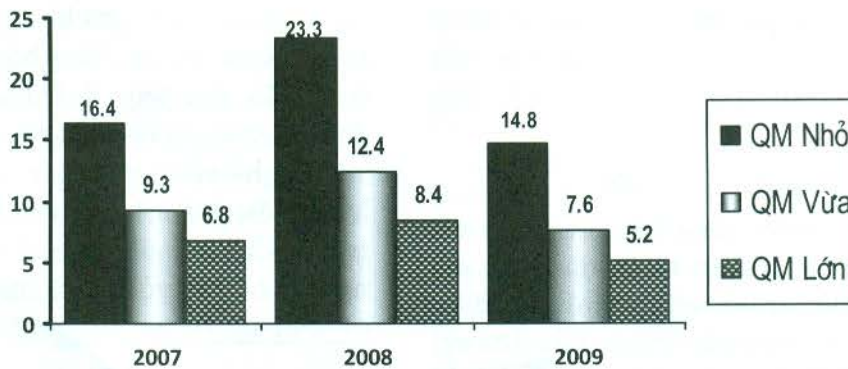
*Nguồn: Số liệu điều tra*

**3.1.2. Thiệt hại của rủi ro**

Nếu so sánh mức thiệt hại có sự khác nhau đáng kể giữa ba quy mô, các đơn vị chăn nuôi quy mô nhỏ có tỷ lệ thiệt hại trên tổng doanh thu cao hơn hẳn so với chăn nuôi quy mô vừa và lớn. 3 năm gần đây, trong khi các đơn vị chăn nuôi quy mô lớn và vừa có mức thiệt hại dưới 10% trên tổng doanh thu, thì các đơn vị chăn nuôi quy mô nhỏ phải

gánh chịu thiệt hại từ 15 - 23% trên tổng doanh thu (hình1). Với quy mô chăn nuôi nhỏ đang phổ biến ở Việt Nam hiện nay và diễn biến bất lợi của giá đầu vào - đầu ra trong chăn nuôi lợn đã tạo nên những thiệt hại đáng kể cho tác nhân chăn nuôi. Vì thế, không khuyến khích được tác nhân chăn nuôi tăng năng suất hoặc tăng quy mô đàn do tỷ suất lợi nhuận quá thấp, thậm chí lỗ.

**HÌNH 1: Tỷ lệ thiệt hại của tác nhân chăn nuôi so với tổng doanh thu**



*Nguồn: Số liệu điều tra.*

Tỷ lệ thiệt hại trên tổng doanh thu của các đơn vị chăn nuôi quy mô lớn chỉ dao động xung quanh 5% - 8%, thấp hơn 3 lần so với các đơn vị chăn nuôi quy mô nhỏ. Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối, mức độ thiệt hại của các đơn vị chăn nuôi quy mô lớn cao hơn gấp 4 - 6 lần các đơn vị chăn nuôi quy mô nhỏ (bảng 2). Trong số các loại rủi ro, dịch bệnh và sự biến động của giá cả thị trường luôn

chiếm tỷ lệ trọng yếu đối với thiệt hại của tác nhân chăn nuôi, đặc biệt là các đơn vị chăn nuôi quy mô vừa và lớn.

Kết quả cho thấy đa số tác nhân chăn nuôi đã có những tiếp cận tốt hơn đối với các kiến thức về giống và kỹ thuật, nên đã chủ động với các biện pháp nhằm giảm thiểu tổn thất cho các loại rủi ro giống, thức ăn chăn nuôi và kỹ thuật chăm sóc.

**BẢNG 2: Cơ cấu thiệt hại theo loại rủi ro**

*ĐVT: % tổng doanh thu*

Thiệt hại do rủi ro về	Nhỏ	Vừa	Lớn	Bình quân
Tổng (triệu đồng)	12,00	23,87	48,43	28,10
1. Giống lợn	16,17	17,90	10,97	15,01
2. Phối giống	9,50	4,43	3,17	5,70
3. Dịch bệnh	13,80	31,73	31,37	25,63
4. Thức ăn	22,07	8,10	8,73	12,97
5. Kỹ thuật	6,87	10,50	3,80	7,06
6. Giá đầu vào	12,73	6,07	19,20	12,67
7. Giá đầu ra	18,87	21,23	22,83	20,98

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.*

Kết quả PRA với người chăn nuôi, cán bộ địa phương và cán bộ thú y cơ sở, xếp hạng thứ tự về tần suất xuất hiện và mức độ

thiệt hại của các rủi ro trong chăn nuôi lợn (bảng 3) cũng cho kết quả nhận định giống như trên.

**BẢNG 3: Xếp hạng về rủi ro trong chăn nuôi lợn**

Loại rủi ro	Quy mô nhỏ		Quy mô vừa		Quy mô lớn	
	Tần xuất xuất hiện	Mức độ thiệt hại	Tần xuất xuất hiện	Mức độ thiệt hại	Tần xuất xuất hiện	Mức độ thiệt hại
1. Giống lợn	5	3	5	3	5	4
2. Phối giống	3	6	4	7	3	7
3. Dịch bệnh	1	4	1	1	1	1
4. Thức ăn	6	1	6	5	7	5
5. Kỹ thuật	7	7	7	4	5	6
6. Giá đầu vào	4	5	3	6	4	3
7. Giá đầu ra	2	2	2	2	2	2

*Nguồn: Kết quả PRA \* Xếp hạng theo mức độ giảm dần từ 1 đến 7.*

### 3.1.3. Nguyên nhân gây ra rủi ro

Định dạng được loại rủi ro là một vấn đề trọng yếu trong phân tích rủi ro, nhưng phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng rủi ro cũng vô cùng quan trọng. Các phân tích

dưới đây sẽ đi sâu vào tìm hiểu cơ chế phát sinh của hai loại rủi ro chính (rủi ro dịch bệnh và rủi ro thị trường) đối với tác nhân chăn nuôi.

#### a. Đối với rủi ro dịch bệnh

Các bệnh thường gặp ở tất cả các quy mô chăn nuôi tập trung chủ yếu vào 4 loại bệnh chính là: tai xanh, lở mồm long móng, tiêu chảy và tụ huyết trùng (bảng 4). Nhìn chung, kỹ thuật và kiến thức phòng dịch của tác nhân chăn nuôi ở Việt Nam còn yếu. Chất lượng con giống không kiểm soát được, tiêm

phòng các bệnh cơ bản chưa được tổ chức tốt, khi có dịch các biện pháp ngăn ngừa chưa được thực hiện... là những nguyên nhân chính khiến dịch bệnh bùng phát và lây lan. Thêm vào đó, hệ thống thú y cơ sở yếu kém, dẫn đến phòng chống dịch và kiểm soát dịch bệnh kém hiệu quả.

BẢNG 4: Các loại bệnh thường gặp ở lợn

DVT: % tác nhân chăn nuôi

Bệnh chính	Quy mô nhỏ	Quy mô vừa	Quy mô lớn
1. Bại liệt	15,5	35,2	10,4
2. Suy giảm hệ sinh sản	3,9	15,1	8,8
3. Tai xanh	24,3	23,6	18,7
4. Lở mồm, long móng	25,0	25,0	16,7
5. Tiêu chảy	49,6	36,5	13,9
6. Tụ huyết trùng	24,2	41,9	11,7
7. Đóng máu	8,3	25,0	8,3

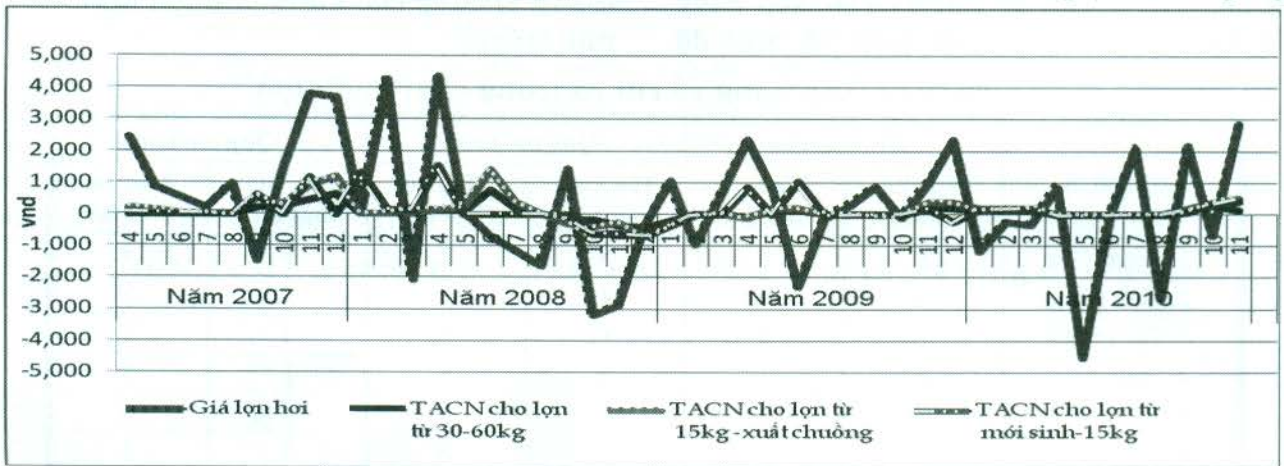
Nguồn: Số liệu điều tra.

b. Đối với rủi ro thị trường

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tương quan biến động giữa giá thức ăn chăn nuôi và giá sản phẩm đầu ra luôn là mối quan

tâm của các đơn vị chăn nuôi. Sự biến động lệch pha giữa giá đầu vào và giá đầu ra gây ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của tác nhân chăn nuôi.

HÌNH 2: Biên độ giao động tăng giảm giá đầu vào đầu ra theo tháng (1000 đồng/kg)



Nguồn: Số liệu tổng hợp.

Biên độ giao động và xu hướng biến động giữa giá thức ăn chăn nuôi và giá lợn hơi cho thấy thị trường đầu ra là một thách thức lớn đối với tác nhân chăn nuôi. Việc xác định và dự đoán được thời điểm thích hợp cho xuất bán sản phẩm đối với tác nhân chăn nuôi không hề dễ dàng do xu hướng biến động không tuân

theo bất cứ quy luật cụ thể nào. Giá lợn xuất chuồng bị tác động bởi nhiều yếu tố. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến giá lợn giảm trong thời gian vừa qua chính là sự bùng phát của bệnh dịch. Đây chính là một loại rủi ro mang tính kết hợp (rủi ro kép) giữa rủi ro bệnh dịch và rủi ro thị trường khiến tác

nhân chăn nuôi gặp phải tổn thất rất lớn. Trong trường hợp có dịch, thời gian dịch có thể diễn ra 1 - 2 tháng, người chăn nuôi phải cần ít nhất 3 - 4 tháng mới có thể đạt được mức doanh thu trước khi có dịch. Nói khác đi, độ trễ của giá đầu ra là rất lớn. Dịch bệnh không chỉ gây thiệt hại trực tiếp cho người chăn nuôi do số lượng lợn bị chết hay do giá giảm đột ngột, mà còn gián tiếp gây tăng chi phí khi người chăn nuôi phải kéo dài thời gian cho qua thời điểm dịch, mặc dù lợn đã đạt đủ tiêu chuẩn xuất chuồng. Đối với loại rủi ro kết hợp này, người chăn nuôi lợn thịt luôn là những người chịu thiệt hại nặng nề nhất.

Bình quân 4 năm qua, trong khi giá lợn đầu ra tăng cao nhất cũng chỉ khoảng 1,3 - 1,5 lần, thì giá thức ăn chăn nuôi tăng từ 2 - 4 lần. Câu hỏi đặt ra là: căn nguyên nào khiến có sự chênh lệch quá lớn này? Việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu đã khiến cho giá thức ăn chăn nuôi luôn tăng theo sự biến động của giá nguyên liệu thế giới. Trên thực tế, mỗi năm ngành chăn nuôi cần khoảng 17 - 18 triệu tấn thức ăn. Tuy nhiên, sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp mới chỉ đáp ứng 50%. Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam chưa chủ động được nguồn nguyên

liệu. Đây cũng chính là lý do khiến giá thành chăn nuôi lợn ở Việt Nam luôn cao hơn 10 - 15% so với các nước trong khu vực (Cục Chăn nuôi).

**3.2.4. Các biện pháp quản lý rủi ro của tác nhân chăn nuôi**

**• Đối với rủi ro dịch bệnh**

Dịch bệnh là loại rủi ro tương quan ảnh hưởng lớn đến cộng đồng chăn nuôi, được hình thành từ rủi ro cá thể (vi mô). Biện pháp chủ đạo mà các đơn vị chăn nuôi ở tất cả các quy mô sử dụng đều hướng tới việc phòng chống dịch bệnh chứ không thể lãng tránh hoàn toàn được dịch bệnh, nhất là trong trường hợp bệnh đã tiến triển thành quy mô dịch. Phần lớn các đơn vị chăn nuôi đều cố gắng giữ vệ sinh chuồng trại và sử dụng các hóa chất trong phạm vi có thể để tiêu diệt khử trùng. Riêng đối với quy mô chăn nuôi lớn, người chăn nuôi tập trung nhiều hơn đến công tác phòng dịch cho vật nuôi như: cách ly, tiêu diệt khử trùng, tiêm phòng (bảng 5), chủ động con giống, hạn chế người lạ ra vào thăm quan khu chuồng trại. Còn đối với các đơn vị chăn nuôi nhỏ, do phương thức chăn nuôi mang tính tận dụng, nên các biện pháp phòng dịch thông qua thức ăn, con giống ít được chú ý.

**BẢNG 5: Các biện pháp phòng dịch của tác nhân chăn nuôi lợn theo quy mô**

*ĐVT: % tác nhân chăn nuôi*

<b>Biện pháp</b>	<b>Quy mô nhỏ</b>	<b>Quy mô vừa</b>	<b>Quy mô lớn</b>
1. Tách biệt khu chăn nuôi	18,90	15,45	18,07
2. Dọn phân, rửa chuồng trại hàng ngày	79,88	90,24	100,00
3. Phun thuốc khử trùng khu nuôi	67,68	77,24	90,36
4. Tiêm phòng	63,41	72,36	93,98
5. Giữ ấm vào mùa lạnh	31,71	40,65	60,24
6. Làm mát vào mùa nóng	29,27	48,78	61,45
7. Chế độ ăn uống thích hợp, hợp vệ sinh	36,59	56,10	62,65
8. Chủ động con giống để tránh lây lan dịch bệnh	12,80	24,39	33,73
9. Hạn chế người ra vào khu chuồng trại	7,93	10,57	28,92
10. Khác	1,22	2,44	0,00

*Nguồn: Số liệu điều tra.*

Nếu các đơn vị chăn nuôi nhỏ cần nhờ đến sự giúp đỡ của các nhân viên thú y khi lợn mắc bệnh (60% đơn vị chăn nuôi), thì hầu hết các đơn vị chăn nuôi vừa và lớn ứng xử với

rủi ro này là tự chữa bệnh (66% đơn vị chăn nuôi). Nguyên nhân do các đơn vị chăn nuôi lớn không tin tưởng vào hệ thống thú y cơ sở nên đã tự trang bị để xử lý bệnh. Bên cạnh

đó, đa số đơn vị chăn nuôi nhỏ đều thiếu kinh nghiệm và kiến thức trong việc xử lý dịch bệnh. Thực tế, việc tiếp cận đối với cán bộ thú y rất khó do không liên lạc được tại thời điểm dịch bệnh (22%), hoặc do quá tốn kém (38%) và không có khả năng chi trả (33%). Rõ ràng, đây là một điểm đáng lưu ý đòi hỏi cần có sự đánh giá cụ thể về vai trò và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y cấp cơ sở.

• *Đối với rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường thường mang tính hệ thống nên tác nhân chăn nuôi khó có biện pháp phòng tránh. Biến động giá cả trong những năm gần đây đều cho thấy thị trường của ngành hàng lợn không tuân theo bất cứ quy luật nào. Trên thực tế, do thị trường tài chính nông thôn chưa phát triển, nên tác nhân chăn nuôi lợn ở Việt Nam không có nhiều lựa chọn trong việc thiết lập các chiến lược quản lý rủi ro thị trường.

Cơ chế chuyển giao rủi ro theo hình thức bảo hiểm tuy đã xuất hiện rất sớm của Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (1992) và công ty Group Pama Việt Nam (2002) nhưng nhanh chóng bị xóa bỏ do nhiều hạn chế về sản phẩm. Gần đây, Việt Nam đã thực hiện hỗ trợ nông dân tham gia bảo hiểm trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chiến lược chính mà tác nhân chăn nuôi sử dụng để đối phó với rủi ro thị trường là dùng kinh nghiệm để điều chỉnh thời gian chăn nuôi, hoặc phân tán rủi ro bằng hình thức chăn nuôi gối giữa các lứa. Thêm vào đó, sự xuất hiện của các tập đoàn chăn nuôi lớn của nước

ngoài cùng với hình thức chăn nuôi theo hợp đồng đang có xu hướng phát triển khá mạnh. Tham gia chăn nuôi hợp đồng tác nhân chăn nuôi được đảm bảo giá đầu ra theo mức ấn định khi ký hợp đồng, đồng thời được đảm bảo chất lượng giống, thức ăn và các hỗ trợ kỹ thuật. Rủi ro trong sản xuất nếu có sẽ được chia sẻ cho đồng thời cả hai bên.

Như vậy, rủi ro chính đối với tác nhân chăn nuôi lợn được chia ra làm hai loại, rủi ro trong sản xuất và rủi ro thị trường. Các chiến lược quản lý rủi ro của tác nhân chăn nuôi nhìn chung chủ yếu dựa vào cơ chế phi chính thống.

**3.2. Rủi ro và quản lý rủi ro của các tác nhân trung gian (thu gom, giết mổ và chế biến)**

**3.2.1. Rủi ro của các tác nhân thu gom, giết mổ và chế biến**

Trong cấu trúc chuỗi giá trị của ngành chăn nuôi lợn, các tác nhân trung gian tham gia bao gồm: thu gom, giết mổ và chế biến. Mức độ rủi ro của các đơn vị này chủ yếu liên quan đến rủi ro trong kinh doanh như: nợ khó đòi, tài chính, gián đoạn kinh doanh do lợn bị dịch bệnh hoặc thiên tai... Trong đó, rủi ro gián đoạn kinh doanh do lợn bị dịch bệnh hoặc thiên tai là loại rủi ro có tỷ lệ cao nhất ở các tác nhân thu gom, giết mổ và chế biến (trên 80% các đơn vị đều gặp phải) (bảng 6). Rủi ro gián đoạn kinh doanh là loại rủi ro tương quan, có tính ảnh hưởng sâu chuỗi, liên quan mật thiết đến hoạt động sản xuất của tác nhân chăn nuôi.

**BẢNG 6: Rủi ro của các tác nhân trung gian trong ngành chăn nuôi**

*ĐVT: % tác nhân điều tra*

Rủi ro do	Thu gom	Giết mổ	Chế biến
1. Giá	21,56	5,75	16
2. Nợ khó đòi	45,49	55,78	56,21
3. Lợn bị chết	0,65	1,3	-
4. Tài chính	67,89	46,26	76,46
5. Hao hụt khối lượng	30	-	-
6. Rủi ro trong quá trình vận chuyển	2,8	-	-
7. Gián đoạn kinh doanh do lợn bị dịch hoặc thiên tai	89,51	79,98	91,74

*Nguồn: Số liệu điều tra.*

Tuy nhiên trên thực tế, kết quả PRA đối với các tác nhân này lại chỉ ra rằng do tính linh hoạt của kinh doanh, cũng như do quy mô chế biến, giết mổ ở Việt Nam còn rất nhỏ, nên các đơn vị trung gian không chịu thiệt hại lớn do dịch bệnh hay thiên tai. Thực tế, họ dễ dàng tìm kiếm các sản phẩm thay thế hoặc nâng mặt bằng giá đầu ra để bù đắp cho thiệt hại. Thậm chí trong nhiều trường hợp, do sự lỏng lẻo của các quy định pháp luật và hoạt động quản lý chất lượng thực phẩm, dịch bệnh lại tạo ra cơ hội trong kinh doanh cho các tác nhân thu gom, giết mổ và chế biến. Chính vì thế các đơn vị thu gom và giết mổ cũng là tác nhân gây lan truyền dịch bệnh.

Nợ khó đòi và rủi ro tài chính thuần túy là rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của các đơn vị trung gian trong ngành chăn nuôi lợn. Loại rủi ro này chủ yếu xuất phát từ hoạt động vay vốn và cấp tín dụng cho khách hàng. Do đó, chiến lược quản lý đối với rủi ro này hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực quản trị của mỗi tác nhân. Tại phần

lớn các đơn vị điều tra, do lượng vốn chủ sở hữu không nhiều nên vốn vay, đặc biệt là vay ngắn hạn và chiếm dụng vốn là tình trạng diễn ra khá phổ biến. Chính vì vậy, sự thay đổi trên thị trường tài chính đều dẫn tới thiệt hại cho các đơn vị này.

**3.3.2. Các biện pháp quản lý rủi ro của các tác nhân trung gian**

Đa số các đơn vị thu gom, giết mổ và chế biến quan tâm nhiều hơn đến việc đối phó và quản lý các rủi ro liên quan đến kinh doanh như: rủi ro do nợ khó đòi và rủi ro tài chính. Các tác nhân này thường huy động vốn từ khu vực tài chính phi chính thống, song đây là nguyên nhân gây ra rủi ro về tài chính cho họ. Với rủi ro gián đoạn kinh doanh phần lớn các thiệt hại chỉ thực sự phát sinh đối với họ nếu Nhà nước siết chặt vai trò quản lý và thực thi nhiệm vụ thanh kiểm tra. Thực tế, các biện pháp tiêu cực như: hối lộ, trốn tránh, chấp nhận chịu phạt được sử dụng một cách triệt để nhằm đối phó với công tác quản lý nhà nước (bảng 7).

**BẢNG 7: Ứng xử của tác nhân thu gom, giết mổ và chế biến khi có dịch bệnh**

*DVT: % đơn vị điều tra*

<b>Biện pháp</b>	<b>Thu gom</b>	<b>Giết mổ</b>	<b>Chế biến</b>
1. Hạn chế hoạt động	0,0	0,4	100,0
2. Trốn tránh cơ quan quản lý	73,0	0,0	0,0
3. Hối lộ khi bị phát hiện	20,0	44,6	53,0
4. Chấp nhận chịu phạt nếu bị phát hiện	7,0	53,0	47,0

*Nguồn: Số liệu điều tra.*

Ứng xử của các tác nhân thu gom, giết mổ, chế biến quy mô nhỏ (chiếm đại đa số trong ngành hàng lợn hiện nay) đặt ra hai vấn đề lớn về quản lý dịch bệnh và chế tài xử phạt. Khi có dịch bệnh xảy ra, các cơ quan từ trung ương đến địa phương có sự chỉ đạo hết sức sát sao nhưng hiệu quả rất kém, vẫn để dịch lan truyền trên diện rộng. Chế tài xử phạt lại quá nhẹ, người thi hành lại không nghiêm, lợi nhuận thu được cao từ kinh doanh lợn khi có dịch bệnh, nên dẫn đến tình trạng các tác nhân này bất chấp các quy định của pháp luật, vẫn tiến hành kinh doanh.

Như vậy, rủi ro tài chính và gián đoạn kinh doanh là hai loại rủi ro chính mà các tác nhân trung gian gặp phải. Đối với rủi ro tài chính, hệ thống tài chính phi chính thống đã được các tác nhân sử dụng. Với rủi ro gián đoạn kinh doanh, do hệ thống chính sách của Nhà nước chưa đủ mạnh đã tạo kẽ hở cho các tác nhân này hoạt động.

**4. Kết luận**

Rủi ro trong ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam xuất hiện khá đa dạng cả về hình thức và mức độ thiệt hại. Rủi ro trong sản xuất gắn chặt với tác nhân chăn nuôi, rủi ro kinh

doanh đi liền với các tác nhân trung gian trong chuỗi. Tuy nhiên có hai loại rủi ro trọng yếu đã và đang ảnh hưởng đến toàn bộ ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam đó là rủi ro bệnh dịch và rủi ro thị trường. Đây là hai loại rủi ro hệ thống, mang tính tương quan và ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi giá trị chăn nuôi lợn. Các biện pháp quản lý rủi ro hiện thời đều là các chiến lược phi chính thống, tập trung chủ yếu vào khắc phục rủi ro thay vì phòng chống rủi ro.

Trong bối cảnh thị trường tài chính nói chung và thị trường tài chính nông thôn nói riêng ở Việt Nam chưa phát triển, các chiến lược quản lý rủi ro dựa vào cơ chế thị trường như chia sẻ rủi ro, chuyển giao rủi ro xuất hiện rất hạn chế. Chính vì vậy, để có thể thúc đẩy sự phát triển của ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam, rất cần sự can thiệp của Chính phủ nhằm giảm thiểu rủi ro cho toàn chuỗi giá trị. Can thiệp của Chính phủ cần được tập trung ưu tiên cho quản lý rủi ro bệnh dịch và rủi ro thị trường./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án đổi mới chăn nuôi lợn từ năm 2007-2020. Cục Chăn nuôi. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2007.
2. Đinh Xuân Tùng. 2008. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế- kỹ thuật và lợi thế so sánh trong chăn nuôi lợn. Chương trình nghiên cứu khoa học Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn 2006-2010.
3. Trần Đình Thao và cộng sự, 2011. Nghiên cứu chính sách quản lý rủi ro trong ngành chăn nuôi lợn ở Việt Nam. Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Anderson, J.R.(1979) "Impacts of climatic variability in Australian agriculture: A review", *Review of Marketing and Agricultural Economics* 49(3), 147-77.

5. Anderson, J.R. and Dillon, J.L. (1988) "Socioeconomic impacts of climatic variability: Implications for policymakers and planners", In Parry, M.L., Carter, T.R. and Konijn, N.T. (eds.), *The Impacts of Climatic Variations on Agriculture. Vol. 2. Semi-Arid Regions*. Kluwer, Dordrecht, 719-57.

6. Anderson, J.R. and Dillon, J.L. (1992) *Risk Analysis in Dryland Farming Systems, Farm Systems Management Series 2*, FAO, Rome.

7. Huirne, R.B.M., Meuwissen, M.P.M., Hardaker, J.B. and Anderson, J.R. (2000) "Risk and risk management in agriculture: An overview and empirical results", *International Journal of Risk Assessment and Management* 1(1/2), 125-36.

8. Moschini, G. and Hennessy, D.A. (2001) "Uncertainty, risk aversion, and risk management for agricultural producers", In B.L. Gardner and G.C. Rausser (eds.), *Handbook of Agricultural Economics, Vol. 1*, Elsevier, Amsterdam, 88-153.

9. Dercon, S. (2005), *Insurance Against Poverty*, Oxford University Press.

10. Tisdell, C, Lapar, ML, Staal, S, and Que, NN. 2008. "Natural protection from international competition in the livestock industry: analysis, examples, and Vietnam pork market as a case." In: Lee, TH (ed). *Agricultural Economics: New Research*. Nova Science Publishers, Inc.

11. World Bank (2000), *Dynamic Risk Management and the Poor: Developing a Social Protection Strategy for Africa*, Human Development Group, Africa Region, World Bank, Washington, DC.

12. D.Roland-Holst, M Epprecht and J.Otte. 2007. External shock, producer risk, and adjustment in smallholder livestock production: the case of HPAI in Vietnam. ILRI Research Report.